TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-9-2019.
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chinh và ông Trần Đình Xứng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm 1968.

NĐKHKTT: Thôn Nhơn Nghĩa, xã S, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Nhơn Bình, xã S, huyện ST, tỉnh Kon Tum (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị O , sinh năm 1979.

NĐKHKTT: Thôn Nhơn Nghĩa, xã S, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Nhơn Bình, xã S, huyện ST, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Đỗ Thị O tự nguyện kết hôn với nhau và được UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 01 năm 2000. Sau khi kết hôn, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Đỗ Thị O không chí thú làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình và bà O nợ nần chồng chất mà đã bán nhà, rẫy để trả

nợ nhưng vẫn tiếp tục nợ thêm, bản thân ông Lê T đã nhiều lần khuyên can nhưng bà O không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đỗ Thị O .

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Thành A, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc Lan, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía bị đơn:* Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng bà Đỗ Thị O vắng mặt không lý do.

Tuy nhiên, tại đơn đề nghị bà Đỗ Thị O trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như trình bày của ông Lê T là đúng sự thật. Về mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh do vợ chồng không hợp nên thường xảy ra xích mích, cãi cọ khiến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Nay bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Lê T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Thành A, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc Lan, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ vềyêu cầu khởi kiện.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đề

nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Đỗ Thị O theo quy định pháp luật.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê T theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung. Các con chung đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Ông Lê T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết ly hôn với bà Đỗ Thị O có nơi cư trú tại xã S, huyện ST, tỉnh Kon Tum. Đây là tranh chấp thuộc khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng bà Đỗ Thị O vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bà Đỗ Thị O .

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Đỗ Thi O đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 26/01/2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê T: Ông cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong tính cách, lối sống, không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn dẫn đến nợ nần chồng chất, phải bán tài sản để trả nợ. Hiện nay, ông và bà O đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông Lê T xác định không còn tình cảm với bà O và kiên quyết ly hôn mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên, phân tích để đoàn tụ gia đình. Hiện nay, các đương sự đã sống ly thân như vậy việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình đã không được thực hiện theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình 2014. Tại đơn đề nghị gửi đến Tòa án bà O đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông Lê T.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông Lê T và bà O đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Các con của ông Lê T bà O đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi các đương sự có tranh chấp về tài sản thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Ông Lê T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Xin ly hôn*" đề ngày 06/5/2019 của ông Lê T.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho ông Lê T ly hôn với bà Đỗ Thị O .

2. **Về con chung, tài sản chung và nợ chung** : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. **Về án phí**: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0000833 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Ông Lê T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày *(mười lăm ngày)*, kể từ ngày tuyên án (*25/9/2019*) nguyên đơn có quyền gửi đơn kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ry Thị Mỹ Hoàng